

Số: 02/2022/QĐST-DS

Đ, ngày 28 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 32/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1949.

Nơi cư trú: Tổ 3 khu 4, phường V, thành phố B, tỉnh Quảng Ninh.

- Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1956.

Nơi cư trú: Tổ 6, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên. (Bà Bùi Thị H ủy quyền cho ông Bùi Văn T tham gia tố tụng tại Tòa án).

- Bà **Bùi Thị T1** sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Tổ 2, phường Đ, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà **Trần Thị H1**, sinh năm 1961

Nơi cư trú: Xóm T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Bùi Thị Ánh D**, sinh năm 1985 (con ông Chiến)

Nơi cư trú: Tổ 2, phường T, thành phố N, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị **Bùi Thị Thùy D1**, sinh năm 1987 (con ông Chiến)

Nơi cư trú: TDP Q, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Bùi Văn T được quyền sử dụng 100m² đất HNK tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 40 xã H cùng tài sản gắn liền với đất. Ông Bùi Văn T được quyền sử dụng toàn bộ diện tích tại thửa đất số 75 tờ bản đồ số 40 xã H cùng tài sản gắn liền với đất. Ranh giới, diện tích đất ông Bùi Văn T được quyền sử dụng được xác định theo sơ đồ tại các điểm từ số 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-1 trong bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Bà Trần Thị H2 được quyền sử dụng 400m² đất ở tại thửa đất số 38 và toàn bộ diện tích đất HNK còn lại tại thửa đất số 38 tờ bản đồ số 40 xã H cùng tài sản gắn liền với đất. Bà Trần Thị H2 được quyền sử dụng toàn bộ diện tích tại thửa đất số 57 tờ bản đồ số 40 xã H cùng tài sản gắn liền với đất. Ranh giới, diện tích đất bà Trần Thị H2 được quyền sử dụng được xác định theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất kèm theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. (Trừ phần ranh giới, diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông Bùi Văn T).

- Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị H2 có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy đương sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí và đã chi phí xong.

Án phí: Ông Bùi Văn T và bà Trần Thị H2 là người cao tuổi được miễn án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Hữu Nhường